

**BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN THÁNG  
(Từ ngày 1 đến 30/6/2026)**

**1.1. Lưu vực sông Hồng**

<p><i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i></p>
<p>- Tổng lượng mưa: Phổ biến 150-250mm, có nơi trên 350mm; phổ biến ở mức cao hơn từ 10-25% so với TBNN cùng thời kỳ.</p>
<p>- Tổng lượng dòng chảy:</p> <p>+ Sông Thao: Trong tháng qua, lưu lượng dòng chảy trên sông Thao ít biến đổi so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại trạm Yên Bái thấp hơn TBNN cùng kỳ 76%.</p> <p>+ Sông Lô: Trong tháng qua, lưu lượng dòng chảy đến các sông trên lưu vực cao hơn so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang thấp hơn TBNN khoảng 60%.</p> <p>+ Trên sông Đà: Tổng lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình trong tháng 05/2026 tăng so với tháng trước do hồ Sơn La tăng cường phát điện và do ảnh hưởng của đợt mưa lũ tiểu mãn từ 18-22/5. Tổng lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình cao hơn TBNN cùng kỳ 105%.</p> <p>+ Trên sông Hồng: Mực nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội trong tháng 05 biến đổi chậm theo xu thế lên trong nửa đầu thời kỳ, hiện tại đang biến đổi chậm theo xu thế xuống và chịu ảnh hưởng của thủy triều. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội cao hơn TBNN cùng kỳ 14%.</p>
<p><i>b. Dự báo, cảnh báo</i></p>
<p>- Tổng lượng mưa: Phổ biến 150-300 mm, có nơi cao hơn.</p>
<p>- Tổng lượng dòng chảy:</p> <p>+ Sông Thao: Trong tháng tới, lưu lượng dòng chảy trên sông Thao sẽ tăng. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại trạm Yên Bái thấp hơn TBNN cùng kỳ 31%.</p> <p>+ Sông Lô: Trong tháng tới, lưu lượng dòng chảy trên sông Lô cao hơn so với tháng vừa qua. Tổng lượng dòng chảy trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang thấp hơn TBNN khoảng 15%.</p> <p>+ Trên sông Đà: Lưu lượng đến hồ Hòa Bình trong tháng tới có xu thế tăng so với tháng trước; tổng lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình dự báo cao hơn TBNN 9%.</p>

+ Lưu lượng dòng chảy ở hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội trong tháng 06 sẽ tăng so với tháng 05; ngoài ra dòng chảy chịu ảnh hưởng của chế độ điều tiết thủy điện tuyến trên cũng dao động theo chế độ thủy triều. Dự báo tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội ở mức xấp xỉ TBNN.

## **1.2. Lưu vực sông Thái Bình**

### *a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua*

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 150-250mm, phổ biến cao hơn từ 15-50% so với TBNN cùng thời kỳ. Riêng tại Quảng Ninh nhiều nơi cao hơn nhiều so với TBNN cùng thời kỳ như: Quảng Hà (Quảng Ninh) cao hơn 198% Bẫy Cháy (Quảng Ninh) cao hơn 190%.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên sông Cầu: Lưu lượng dòng chảy trên sông Cầu biến đổi chậm và có dao động nhỏ; tổng lượng dòng chảy tháng 5 tại trạm Gia Bảy ở mức cao hơn 113% so với TBNN cùng kì.

+ Trên sông Lục Nam: lưu lượng nước đến biến đổi chậm và có dao động nhỏ; tổng lượng dòng chảy tháng 5 tại trạm Chũ ở mức cao hơn TBNN 33%

### *b. Dự báo, cảnh báo*

- Tổng lượng mưa: khu vực phổ biến 180-350mm, có nơi cao hơn.

- Tổng lượng dòng chảy:

Trong tháng 06/2026: Dòng chảy trên sông Cầu và sông Lục Nam có xu thế tăng so với tháng trước. So với TBNN cùng kỳ, tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại trạm Gia Bảy dự báo cao hơn 81%, trên sông Lục Nam tại trạm Chũ dự báo ở mức cao hơn TBNN 16%.

## **1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ**

### *a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua*

- Tổng lượng mưa: phổ biến 100-200mm, có nơi trên; phổ biến cao hơn TBNN cùng thời kỳ từ 10-40%.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tháng 5/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông tăng hơn so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 18%, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn khoảng 18%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 6%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 76%.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Trong tháng 5/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch (TP Huế) tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 222%.

<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: khu vực phổ biến 80-150mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: + Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tháng 6/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An tăng hơn so với tháng trước; các sông ở Hà Tĩnh ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy, sông Ngân Sâu tại trạm Hòa Duyệt ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn khoảng 29%, sông Ngân Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 80%. + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Tháng 6/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 183%.

#### **1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ**

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: phía Bắc khu vực phổ biến từ 50-100mm, có nơi trên 150mm; phía Nam phổ biến từ 150-250mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trong tháng 5/2026, dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn thấp hơn TBNN cùng kỳ 8%, sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang cao hơn 14%. + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tháng 5/2026, lưu lượng dòng chảy trên thượng nguồn các sông biến đổi chậm theo xu thế giảm và có xuất hiện dao động nhỏ. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa thấp hơn 7%, sông Ba (Đăk Lăk) tại trạm Củng Sơn thấp hơn 61%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng thấp hơn 26%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy thấp hơn 63%, sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tà Pao thấp hơn 75% so với TBNN.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phía Bắc 80-150mm, phía Nam 100-200mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Tháng 6/2026, dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn ở mức xấp xỉ TBNN, sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang cao hơn 6%. + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tháng 6/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại

trạm Củng Sơn ở mức thấp hơn 49%, sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng kỳ.

### 1.5. Lưu vực sông Mê Công

#### a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 130-220mm, ở mức thấp hơn từ 10-25% TBNN.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tháng 5/2026, lưu lượng dòng chảy đến sông Đăkbla ở mức thấp hơn so với tháng trước, sông Krông Ana biến đổi theo xu thế tăng dần và ở mức cao hơn. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 77%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 34%.

+ Tổng lượng dòng chảy Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế giảm dần.

#### b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 150-250mm, có nơi cao hơn.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tháng tới, lưu lượng dòng chảy đến các sông biến đổi theo xu thế tăng dần và ở mức cao hơn so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 74%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn TBNN cùng kỳ 15%.

+ Tổng lượng dòng chảy Sông Cửu Long: Dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm và có xu thế tăng dần. Lượng dòng chảy trên sông Tiền tại trạm Tân Châu khả năng cao hơn TBNN 10%, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc thấp hơn TBNN 15%.

**Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 01/7/2026**

**Tin phát lúc: 15h00**

**Người chịu trách nhiệm  
ban hành bản tin**



**Phùng Tiên Dũng**

**Phụ lục 1: Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm**

*Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 01 đến ngày 30/6/2026*

*Đơn vị: mm*

<b>Khu vực</b>	<b>Trạm</b>	<b>Thực đo 1 tháng qua (mm)</b>	<b>So sánh TBNN (%)</b>	<b>Dự báo trong 1 tháng tới (mm)</b>	<b>So sánh với TBNN (%)</b>
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	337	>5	300-500	>5-10
	Sơn La	216	>16	180-240	>5-10
	Hòa Bình	198	<18	200-250	<5-15
	Lào Cai	225	>22	160-220	Xấp xỉ
	Yên Bái	180	<13	150-200	Xấp xỉ
	Tuyên Quang	255	>12	160-220	Xấp xỉ
	Hà Giang	254	>1	300-400	Xấp xỉ
	Láng	222	>15	180-250	<5-15
	Thái Bình	112	<27	100-150	Xấp xỉ
	Nam Định	165	<11	130-180	Xấp xỉ
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Cạn	266	>36	180-250	Xấp xỉ
	Thái Nguyên	292	>23	200-300	Xấp xỉ
	Bắc Ninh	166	<12	180-250	<5-15
	Lạng Sơn	175	>12	130-180	Xấp xỉ
	Bắc Giang	179	>6	160-230	Xấp xỉ
	Hải Dương	151	<13	160-230	Xấp xỉ
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hồi Xuân	253	>19	170-250	Xấp xỉ
	Bái Thượng	236	<2	170-250	<10-15
	Thanh Hóa	161	>4	100-150	<10-15
	Quỳ Châu	274	>18	130-180	<10-15
	Cửa Rào	156	>0	100-150	<10-25
	Đô Lương	259	>48	90-140	<10-25
	Vinh	201	>40	50-100	<10-25
	Hương Sơn	298	>83	50-100	<10-25
	Hương Khê	192	>0	70-120	<10-25
	Hà Tĩnh	156	<6	70-120	<10-25
	Đồng Hới	47	<55	40-70	<10-25
	Quảng Trị	87	<26	50-80	<10-25
	Nam Đông	170	<15	100-150	<10-25
	Huế	175	>48	50-100	<10-25
Lưu vực sông thuộc	Đà Nẵng	53	<26	40-80	<10-25
	Trà My	134	<50	120-170	<10-25

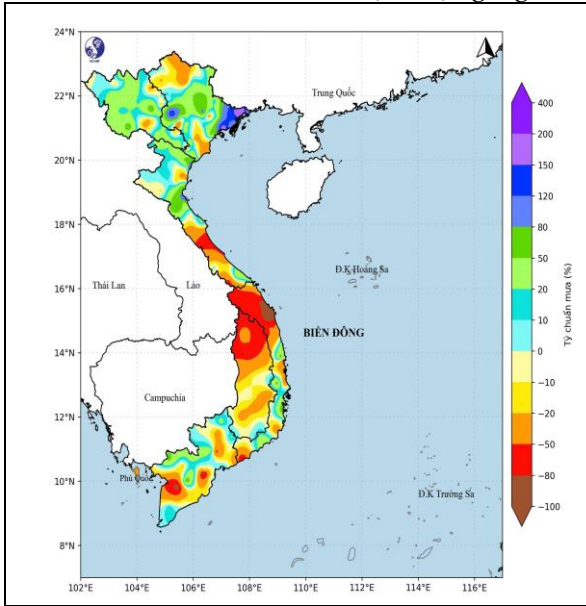
<b>Khu vực</b>	<b>Trạm</b>	<b>Thực đo 1 tháng qua (mm)</b>	<b>So sánh TBNN (%)</b>	<b>Dự báo trong 1 tháng tới (mm)</b>	<b>So sánh với TBNN (%)</b>
khu vực Nam Trung Bộ	Ba Tơ	95	<48	100-150	<10-25
	Quảng Ngãi	2	<96	40-90	<10-25
	Quy Nhơn	28	<69	30-60	<10-25
	An Khê	126	<16	60-110	Xấp xỉ
	Tuy Hòa	47	<55	40-70	Xấp xỉ
	Nha Trang	141	>80	30-50	<10-25
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	119	<49	180-250	Xấp xỉ
	Lắk	135	<43	200-270	<10-15
	Buôn Mê Thuột	229	<5	180-250	Xấp xỉ
	Biên Hòa	88	<60	200-250	Xấp xỉ
	Cần Thơ	308	>76	150-200	<10-15

**Bảng số liệu nguồn nước thực đo và dự báo trên các sông chính***Đơn vị: 10<sup>6</sup> m<sup>3</sup>*

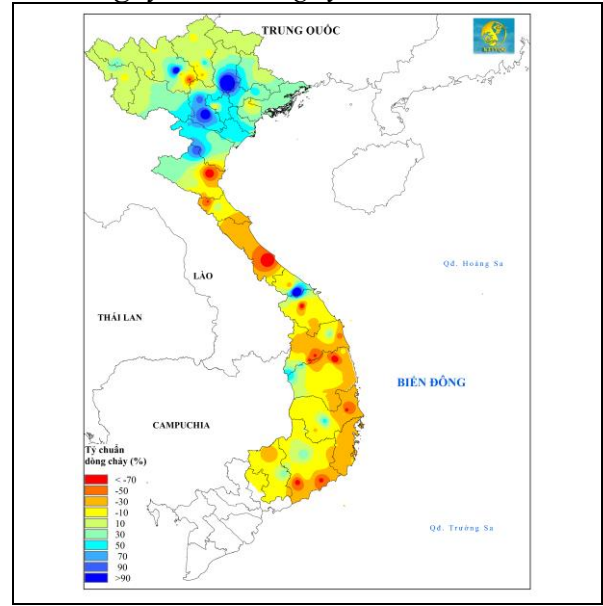
Sông	Trạm	Yếu tố đo	Thực đo	So sánh TBNN	Dự báo	So sánh TBNN
Thao	Yên Bái	W	228	<76	1036.8	<31
Lô	Tuyên Quang	W	610	<60	2462	<15
Đà	Hồ Hòa Bình	W	4794	>105	6830	>9
Hồng	Hà Nội	W	5568	>14	6366	>4
Cầu	Gia Bảy	W	334	>113	355	>81
Lục Nam	Chũ	W	83	>33	142	>16
Mã	Cắm Thủy	W	633	> 18	881	~ TBNN
Cả	Yên Thượng	W	611	< 18	734	< 29
La	Hòa Duyệt	W	146	< 6	135	~ TBNN
Tả Trạch	Thượng Nhật	W	67	> 222	56	> 183
Thu Bồn	Nông Sơn	W	297	< 8	272	~ TBNN
Trà Khúc	Sơn Giang	W	241	> 14	223	> 6
Ba	Củng Sơn	W	82	<61	135	<49
Cái N,T	Đồng Trăng	W	62	<26	80	<3
ĐăkBlá	KonTum	W	26	< 77	34	< 74
Srêpôk	Giang Sơn	W	57	< 34	98	< 15
Tiền	Tân Châu	W			21765	> 10
Hậu	Châu Đốc	W			2706	< 15

## Phụ lục 2: Bản đồ phân bố nguồn nước

Hình 2.1: Bản đồ hiện trạng nguồn nước từ ngày 01 đến ngày 31/05/2026



Bản đồ chênh lệch tổng lượng mưa (mm)  
so với TBNN



Bản đồ chênh lệch tổng lượng dòng chảy  
so với TBNN